TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 06/9/2019.
Về việc: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Bình.

2. Ông Nguyễn Thành Thái.

Thư ký phiên toà: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 259/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc: "*Xin ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 1, khu phố CS, thị trấn HĐ, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ Bị đơn: Anh **Liêu Văn H,** sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 2, ấp Hòn Me, xã TS, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh T và anh Liêu Văn H tự tìm hiểu yêu thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2017. Sau đó anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/6/2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc

nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được nên chị và anh H đã ly thân hơn một năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt mục đích nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Liêu Văn H.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Liêu Văn H trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh H vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

* *Tại bản tự khai bà Trương Thị V trình bày như sau:* Bà Trương Thị V là mẹ ruột của anh Liêu Văn H. Hiện tại anh H đang đi biển, khoảng 1 hoặc 2 tháng thì anh H về nhà một lần. Từ khi Tòa án đến tống đạt các giấy tờ văn bản cho anh H với nội dung chị T yêu cầu ly hôn với anh H thì bà V đã nhận đầy đủ thay cho anh H, bà V có thông báo bằng điện thoại cho anh H biết nhưng anh H không về. Gần đây anh H có về Tòa án có gửi giấy mời và bà cũng cho anh H biết nhưng anh H không có ý kiến gì. Bà V đã thông báo cho anh H biết việc chị T gửi đơn xin ly hôn còn việc anh H có đến Tòa án làm việc hay không thì bà không có biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thanh T và anh Liêu Văn H. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Liêu Văn H nhưng bị đơn vẫn vắng mặt đến lần thứ hai. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thanh T và anh Liêu Văn H là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy

chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 22/6/2018. Quá trình chung sống giữa chị T và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp với nhau nên thường xuyên cãi vã, bất hòa. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh H là có cơ sở để được chấp nhận. Bởi lẽ, theo lời trình bày của chị T, chị và anh H chung sống với nhau nhưng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc anh chị đã sống ly thân hơn một năm nay, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nữa. Chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thanh T là có cơ sở để được hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh H không có con chung. Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa miễn xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[6] Về nợ chung: Chị T trình bày không có nợ ai hoặc cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì Chị Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 56; 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thanh T được ly hôn với anh Liêu Văn H.

2/. Về con chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

3/. Về tài sản chung và nợ chung : Chị T trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005485 ngày 04/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Nguyễn Thanh T không phải nộp thêm.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn An